ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

Mẫu biểu số 05 kèm theo Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND thành phố

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUÝ III NĂM 2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Quyết định của UBND thành phố	Kinh phí BSMT được giao/phân bổ	Số đã rút dự toán tại KBNN quý III	Số rút lũy kế 3 quý tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/dự toán được giao
A	B	C	1	2	3	4=1-3	5=3/1
	CỘNG		**144.031.514.038**	**14.238.420.000**	**124.005.023.038**	**20.026.491.000**	**86**
A	**BSMT vốn đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ (nếu có)**		**88.613.551.000**	**-**	**68.613.551.000**	**20.000.000.000**	**77**
1	Bổ sung mục tiêu vốn ĐTC	5068/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	68.613.551.000		68.613.551.000	-	100
2	Bổ sung mục tiêu vốn ĐTC 2026	4044/QĐ-UBND ngày 25/9/2026	20.000.000.000			20.000.000.000	-
B	**BSMT vốn sự nghiệp thực hiện chế độ, chính sách**		**55.417.963.038**	**14.238.420.000**	**55.391.472.038**	**26.491.000**	**100**
I	***BSMT trong dự toán giao đầu năm của xã***		***2.160.000.000***	***-***	***2.160.000.000***	***-***	***100***
1	Kinh phí mua xe ô tô dùng chung	5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	2.160.000.000		2.160.000.000	-	100
II	***BSMT từ nguồn dự phòng NSTP***		***6.919.491.000***	***6.893.000.000***	***6.893.000.000***	***26.491.000***	**100**
1	Kinh phí thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026 (đợt 1)	3540/QĐ-UBND ngày 04/9/2026	1.025.000.000	1.025.000.000	1.025.000.000,00	-	100
2	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND của HĐND thành phố; Kinh hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của cán bộ không chuyên trách thôn, tổ dân phố từ 01/7/2025 đến 30/6/2026	3656/QĐ-UBND ngày 12/9/2026	5.868.000.000	5.868.000.000	5.868.000.000,00	-	100
3	Kinh phí thực hiện lấy mẫu, bàn giao mẫu để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp giám định ADN trên địa bàn thành phố	3850/QĐ-UBND ngày 19/9/2026	26.491.000			26.491.000	-
III	***BSMT từ nguồn CCTL TP***		***42.822.732.038***	***6.732.000.000***	***42.822.732.038***	***-***	**100**
1	Kinh phí cho các xã, phường, đặc khu thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	278/QĐ-UBND ngày 23/1/2026	36.000.801.158		36.000.801.158		100

STT	NỘI DUNG	Quyết định của UBND thành phố	Kinh phí BSMT được giao/phân bổ	Số đã rút dự toán tại KBNN quý III	Số rút lũy kế 3 quý tại KBNN	Số chưa rút dự toán	Tỷ lệ số rút/dự toán được giao
2	Kinh phí cho các xã, phường, đặc khu thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 và Nghị quyết số 29/2025NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	427/QĐ-UBND ngày 30/1/2026	89.930.880		89.930.880		100
3	Kinh phí thực hiện Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND của HĐND thành phố	3656/QĐ-UBND ngày 12/9/2026	6.732.000.000	6.732.000.000	6.732.000.000,00	-	100
IV	***BSMT từ nguồn khác***		***3.515.740.000***	***613.420.000***	***3.515.740.000***	**-**	**100**
1	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 thành phố Hải Phòng (đợt 1) tại Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 26/1/2026	305/QĐ-UBND ngày 26/1/2026	1.275.000.000		1.275.000.000	-	100
2	Kinh phí cho các xã, phường, đặc khu để thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố	425/QĐ-UBND ngày 30/1/2026	518.400.000		518.400.000	-	100
3	Kinh phí hỗ trợ công dân nhập ngũ năm 2026 theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về hỗ trợ công dân nhập ngũ, công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân	499/QĐ-UBND ngày 04/2/2026	360.000.000		360.000.000	-	100
4	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (lần 2)	485/QĐ-UBND ngày 03/2/2026	43.200.000		43.200.000	-	100
5	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 thành phố Hải Phòng (đợt 3)	846/QĐ-UBND ngày 09/3/2026	306.000.000		306.000.000	-	100
6	Kinh phí hỗ trợ ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 đối với các Trường THCS công lập trên địa bàn thành phố	1539/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	343.560.000		343.560.000	-	100
7	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026.	1843/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	56.160.000		56.160.000	-	100
8	Kinh phí thực hiện chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm học 2025-2026 theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 277/2025/NĐ-CP của Chính phủ	3079/QĐ-UBD ngày 04/8/2026	366.720.000	366.720.000	366.720.000	-	100
9	Kinh phí để thực hiện Chương trình phòng chống tệ nạn mại dâm, Chương trình phòng chống mua bán người, Hoạt động công tác trẻ em và các nhiệm vụ sự nghiệp bảo đảm xã hội khác năm 2026	3050/QĐ-UBND ngày 31/7/2026	115.000.000	115.000.000	115.000.000	-	100
10	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND;	3479/QĐ-UBND ngày 28/8/2026	131.700.000	131.700.000	131.700.000	-	100